

Bản án số: 727/2025/DS-ST

Ngày 20 tháng 5 năm 2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thiện Liên Hương

Các Hội thẩm B dân:

1. Bà Hồ Thị Lang

2. Ông Nguyễn Văn Vui

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Bá Thứ, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Lan - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 1125/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn A**, sinh năm: xxxx

Địa chỉ: Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Viên T (Giấy ủy quyền số công chứng 003136 quyền số 06/2024 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại Văn phòng công chứng Bùi Ngọc Long)

Địa chỉ: 41 B, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn B**, sinh năm: xxxx

Địa chỉ thường trú: 480/40 B, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam P (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Viên T trình bày:

Ngày 03/3/2022, ông Nguyễn A có cho ông Nguyễn B vay số tiền là 570.000.000 (năm trăm bảy mươi triệu) đồng với lãi suất là 1,5%/tháng, chậm nhất là vào ngày 15/3/2022 ông B sẽ hoàn trả lại số tiền vay cho ông A. Đến ngày 15/3/2022, ông B vẫn chưa thanh toán số tiền nói trên cho ông A. Ngày 23/3/2022, ông B viết cam kết sẽ thanh toán số tiền vay cho ông A chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày 23/3/2022. Vào khoảng từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022, ông B đã thanh toán cho ông A được 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, thanh toán làm 02 lần, mỗi lần thanh toán 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng nhưng ông A không nhớ cụ thể thanh toán vào ngày nào. Sau đó, ông B không thanh toán cho ông A bất kỳ khoản tiền nào. Tổng số tiền gốc mà ông B còn nợ ông A tính đến ngày 18/4/2025 là 470.000.000 (bốn trăm bảy mươi triệu) đồng.

Ông A yêu cầu ông Nguyễn B phải thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật số tiền nợ gốc là 470.000.000 (bốn trăm bảy mươi triệu) đồng và khoản tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính trên số tiền nợ gốc là 470.000.000 (bốn trăm bảy mươi triệu) đồng tính từ ngày 21/4/2022 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 10%/năm, tạm tính tiền lãi từ ngày 21/4/2022 đến ngày 18/4/2025 là $470.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm / 12 \text{ tháng} \times 35 \text{ tháng} 28 \text{ ngày} = 140.613.699$ (một trăm bốn mươi triệu sáu trăm mười ba ngàn sáu trăm chín mươi chín) đồng. Tổng số tiền mà ông B phải thanh toán cho ông A tạm tính đến ngày 18/4/2025 là 610.613.699 (sáu trăm mười triệu sáu trăm mười ba ngàn sáu trăm chín mươi chín) đồng.

Ông A chỉ yêu cầu cá B ông B thanh toán nợ, không yêu cầu đưa thêm bất cứ người nào vào tham gia vụ kiện với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 31/3/2025, bị đơn - ông Nguyễn B trình bày:

Ngày 03/3/2022, ông Nguyễn B, sinh năm: xxxx có vay của ông Nguyễn A số tiền là 570.000.000 (năm trăm bảy mươi triệu) đồng. Ông B và ông A thỏa thuận miệng thời hạn vay là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày 03/3/2022, các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất. Ngày 23/3/2022, ông B có viết giấy cam kết sẽ hoàn trả số tiền 570.000.000 (năm trăm bảy mươi triệu) đồng cho ông A chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày 23/3/2022. Nhưng sau đó, do gặp nhiều khó khăn nên vào khoảng từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022, ông B đã thanh toán cho ông A được 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, thanh toán làm 02 lần, mỗi lần thanh toán 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng nhưng ông B không nhớ cụ thể thanh toán vào ngày nào. Ông B có nói rõ với ông A số tiền ông B thanh toán 100.000.000 (một trăm triệu) đồng này là ông B thanh toán tiền gốc. Ông B xác nhận tính đến ngày 31/3/2025, ông B còn nợ ông A tổng số tiền gốc là 470.000.000 (bốn trăm bảy mươi triệu) đồng. Ông B đồng ý thanh toán cho ông A số tiền nợ gốc nêu trên ngay sau khi ông B chấp hành xong

án phạt tù. Ông B cũng đồng ý thanh toán cho ông A khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chậm thanh toán tính theo từng thời điểm với mức lãi suất là 10%/năm, tính từ thời điểm chậm thanh toán cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Nhưng hiện nay ông B đang chấp hành hình phạt tù, không có có nguồn thu nhập nên ông B đề nghị ông A xem xét miễn cho ông B khoản tiền lãi này. Số tiền mà ông B vay của A nhằm phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt cá nhân của riêng ông B. Ông B không yêu cầu đưa thêm bất cứ người nào vào tham gia vụ kiện với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn xác định nguyên đơn cho bị đơn vay tiền không có lãi suất. Nguyên đơn vẫn giữ các nguyên ý kiến và yêu cầu như trên, yêu cầu bị đơn phải thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật số tiền nợ gốc là 470.000.000 (bốn trăm bảy mươi triệu) đồng và khoản tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính trên số tiền nợ gốc là 470.000.000 (bốn trăm bảy mươi triệu) đồng với mức lãi suất là 10%/năm, tính từ ngày 21/4/2022 cho đến ngày 20/5/2025 là $470.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm}/12 \text{ tháng} \times 37 \text{ tháng} = 144.916.667$ (một trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng. Tổng số tiền gốc và lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: $470.000.000 \text{ đồng} + 144.916.667 \text{ đồng} = 614.916.667$ (sáu trăm mười bốn triệu chín trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phần tranh luận,

Nguyên đơn không tranh luận.

Bị đơn vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1.1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về án phí: Sau khi nhận đơn khởi kiện, Tòa án thông báo cho nguyên đơn nộp tiền tạm ứng án phí, nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí, Tòa án thụ lý vụ án số 1125/2023/TLST-DS ngày 07/06/2023 là đúng quy định tại Điều 146 và Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Ngày 22/4/2025, Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử số 148/2025/QĐXXST-DS. Ngày 24/4/2025, Tòa án gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử kèm hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Theo đó, vụ án được xét xử công khai vào lúc 8 giờ ngày 20/5/2025. Tuy nhiên, Thẩm phán còn chưa đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

1.2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa

Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, bị đơn đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu pháp luật số tiền nợ gốc là 470.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính trên số tiền nợ gốc từ ngày 21/4/2022 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 10%/năm. Về án phí sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát B dân quận Bình Thạnh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ tại quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về tiền nợ gốc:

Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận: Ngày 03/3/2022, bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền là 570.000.000 (năm trăm bảy mươi triệu) đồng. Ngày 23/3/2022, bị đơn cam kết thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền đã vay chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày 23/3/2022. Tại phiên tòa, nguyên đơn cung cấp thêm chứng cứ là giấy cam kết của ông Nguyễn B lập ngày 12/4/2022 về việc cam kết hoàn trả số tiền 570.000.000 đồng chậm nhất vào ngày 20/4/2022 cho ông Nguyễn A. Hội đồng xét xử đã tiến hành công khai chứng cứ này tại phiên tòa.

Cho đến nay, bị đơn chỉ mới thanh toán cho nguyên đơn được 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, tổng số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 470.000.000 (bốn trăm bảy mươi triệu) đồng.

Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ là 470.000.000 (bốn trăm bảy mươi triệu) đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất:

Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 21/4/2022 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 10%/năm và chỉ tính lãi trên số tiền gốc còn nợ là 470.000.000 (bốn trăm bảy mươi triệu) đồng.

Đây là yêu cầu xuất phát từ sự tự nguyện không trái luật, có lợi cho bị đơn và phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tiền lãi từ ngày 21/4/2022 đến ngày 20/5/2025 được tính như sau: 470.000.000 đồng x 10%/năm/12 tháng x 37 tháng = 144.916.667 (một trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 470.000.000 đồng + 144.916.667 đồng = 614.916.667 (sáu trăm mười bốn triệu chín trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

[3.3] Về thời hạn thanh toán: Bị đơn đề nghị được thanh toán số tiền 470.000.000 (bốn trăm bảy mươi triệu) đồng cho nguyên đơn ngay sau khi bị đơn chấp hành xong án phạt tù. Xét đề nghị này của bị đơn là không chính đáng bởi lẽ, việc chậm thanh toán này đã gây thiệt hại cho phía nguyên đơn và không được nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ số tiền gốc và lãi còn nợ.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí dân sự sơ thẩm là 28.596.667 (hai mươi tám triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng, bị đơn phải chịu do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ.

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.994.000 (mười bốn triệu chín trăm chín mươi bốn ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027962 ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn B phải thanh toán cho ông Nguyễn A một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật số tiền là 614.916.667 (sáu trăm mười bốn triệu chín trăm mười sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày ông A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông B chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì ông B phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 28.596.667 (hai mươi tám triệu năm trăm chín mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng, ông Nguyễn B phải nộp.

Hoàn lại cho ông Nguyễn A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.994.000 (mười bốn triệu chín trăm chín mươi bốn ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0027962 ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Án xử công khai. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi Cục THADS quận Bình Thạnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

Nguyễn Thiện Liên Hương

